

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 01

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118003	Nguyễn Văn Anh	DH19CC			2,5	5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19118017	Đỗ Tấn Cảnh	DH19CC			3,5	5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19118024	Đậu Thành Công	DH19CC			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19118048	Dương Hoàng Duy	DH19CC			4,5	4		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19118051	Phan Phúc Duy	DH19CC			3	5		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19118033	Lê Tiến Đạt	DH19CC			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19118035	Nguyễn Mai Quốc	DH19CC			4,5	5		9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19118039	Bùi Ngọc Điệp	DH19CC			5	5		10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19118059	Nguyễn Chí Hào	DH19CC			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19118060	Dương Trung Hậu	DH19CC			4,5	4		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19118079	Trần Lê Phúc Hội	DH19CC			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19118094	Nguyễn Nam Huy	DH19CC			5	5		10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19118103	Mai Hoàng Hải	DH19CC			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19118117	Nguyễn Trường Lâm	DH19CC			3	4		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19118133	Trần Hữu Khánh Luân	DH19CC			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19118173	Bùi Trung Phong	DH19CC			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02936

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 01

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118177	Nguyễn Trường Phong	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
18	19118179	Nguyễn Lê Phú	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
19	19118185	Nguyễn Hoàng Quân	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
20	19138073	Đỗ Quang Thành	DH19TD			4,5	4		8,5	0012345678910	0123456789
21	19118209	Nguyễn Thanh Thắng	DH19CC			4,5	4		8,5	0012345678910	0123456789
22	19118233	Nguyễn Nam Thuận	DH19CC			4,5	4		8,5	0012345678910	0123456789
23	19118246	Nguyễn Văn Toàn	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
24	19118247	Trương Hữu Toàn	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
25	19118280	Nguyễn Hoàng Vũ	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Trưởng Bộ Môn


Phan Minh Hiếu

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 02

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17138001	Huỳnh Hoài Bảo	DH17TD			5	4		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19118018	Lê Minh Cảnh	DH19CC			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CK			2	3		5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19138022	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD			4,5	5		9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	18118045	Lê Quang Huy	DH18CK			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19138039	Bùi Tuấn Khoa	DH19TD							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18154057	Đặng Nguyễn Minh Kiên	DH18OT			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19153035	Lê Quang Kiên	DH19CD			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19138041	Nguyễn Trung Kiên	DH19TD			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	18138049	Nguyễn Thị Mỹ Linh	DH18TD			5	4		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19118135	Trần Hữu Luận	DH19CC			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19118143	Lê Công Minh	DH19CK			4,5	4		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19118160	Trần Bá Nguyên	DH19CC			4,5	4		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	18118103	Nguyễn Thuận Phát	DH18CK			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19138071	Nguyễn Bá Thái	DH19TD			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19118213	Đặng Hồng Thanh	DH19CC			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02937

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 02

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118215	Trần Ngọc Thanh	DH19CC			4,5	4		8,5	0012345678910	0123456789
18	19153074	Đào Minh Thành	DH19CD			4,5	5		9,5	0012345678910	0123456789
19	19118224	Lâm Thanh Thiện	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
20	19118238	Trần Minh Tiến	DH19CC			4,5	4		8,5	0012345678910	0123456789
21	18118158	Nguyễn Thành Tôn	DH18CK			4,5	4		8,5	0012345678910	0123456789
22	18118162	Đỗ Văn Triệu	DH18CK			4,5	5		9,5	0012345678910	0123456789
23	19153087	Đặng Nguyễn Thành Trung	DH19CD			4,5	5		9,5	0012345678910	0123456789
24	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK			5	5		10,0	0012345678910	0123456789
25	17118130	Huỳnh Anh Tú	DH17CK			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
26	19118272	Nguyễn Quốc Vĩ	DH19CK			4,5	4		8,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 1

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trưởng Bộ Môn

Phan Minh Hiếu



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 03

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118005	Lương Thái Ban	DH19CC			5	5		10,0	0012345678910	0123456789
2	19118008	Lê Đình Bảo	DH19CC			5	5		10,0	0012345678910	0123456789
3	19118020	Nguyễn Đoàn Công Chiến	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
4	19118043	Huỳnh Quốc Dũng	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
5	19118032	Trần Tiến Đạo	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
6	19118055	Lê Tấn Hải	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
7	19118057	Huỳnh Gia Hào	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
8	19118085	Đặng Minh Huy	DH19CC			4,5	5		9,5	0012345678910	0123456789
9	19118102	Nguyễn Văn Khá	DH19CC			4,5	5		9,5	0012345678910	0123456789
10	19118122	Đinh Kỳ Linh	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
11	19118131	Lê Hoàng Long	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
12	19118164	Trần Thanh Nhân	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
13	19118170	Nguyễn Hoàng Ninh	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
14	19138060	Nguyễn Bảo Phi	DH19TD			5	5		10,0	0012345678910	0123456789
15	19118188	Bùi Nguyễn Quang	DH19CC			4,5	4		8,5	0012345678910	0123456789
16	19118186	Nguyễn Ngọc Quân	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 03

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19138067	Võ Thiện Sang	DH19TD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
18	19118201	Nguyễn Tuấn Tài	DH19CC			4	4		8,0	0012345678910	0123456789
19	19138075	Trần Công Thịnh	DH19TD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
20	19118230	Nguyễn Thị Anh Thư	DH19CC			5	5		10,0	0012345678910	0123456789
21	19118236	Phạm Vũ Nhật Tiến	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
22	19118245	Nguyễn Văn Toán	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
23	19138087	Nguyễn Trọng Trung	DH19TD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
24	19118262	Thái Văn Trường	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
25	19118279	Bùi Bá Vũ	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
26	19118285	Phạm Huỳnh Phúc Yên	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 26

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Quang Trung

Phan Minh Hiếu

Hoc kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118013	Nguyễn Tiểu Bảo	DH19CC			4	4		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19118016	Nguyễn Văn Ca	DH19CC			4,5	4		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19118044	Trần Nhật Dũng	DH19CC			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19118049	Huỳnh Khánh Duy	DH19CC			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19118037	Phạm Thế Đạt	DH19CC			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19118061	Lê Lý HẬu	DH19CC			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19118087	Đỗ Quốc Huy	DH19CC			4,5	5		9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19118095	Nguyễn Quang Huy	DH19CC			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19118082	Nguyễn Cao Hưng	DH19CC			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19118116	Lâm Văn La	DH19CC			4,5	4		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19118134	Lý Kim LuÂN	DH19CC			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19118140	Nguyễn Hoàng Mạnh	DH19CC			5	5		10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19118139	Đinh Minh Mẫn	DH19CC			4,5	5		9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19118150	Nguyễn Hoài Nam	DH19CC			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19118154	Phạm Minh Nghĩa	DH19CC			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19118162	Nguyễn Duy Trọng Nhân	DH19CC							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 05

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19138054	Đoàn Lê Quang Nhật	DH19TD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
18	19118178	Phạm Hoàng Phong	DH19CC							0012345678910	0123456789
19	19118195	Phạm Thành Sang	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
20	19118204	Phùng Quốc Tấn	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
21	19118211	Trần Danh Thắng	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
22	19138078	Nguyễn Văn Tiến	DH19TD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
23	19118251	Trần Thị Thiên Trang	DH19CC			5	5		10,0	0012345678910	0123456789
24	19118250	Huỳnh Trần Bảo Trân	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
25	18118175	Nguyễn Văn Minh Tuấn	DH18CK			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
26	19118269	Trần Nguyễn Đức Tuấn	DH19CC			4,5	4		8,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 2

Hiện diện: 24

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trưởng Quang Tuấn

Phan Minh Hiếu

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 06

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118001	Dương Nguyễn Hoàng Ân	DH19CC			5	4		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19118012	Nguyễn Ngọc Quốc Bảo	DH19CC			3	5		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19154023	Nguyễn Tấn Dầu	DH19OT			4,5	4		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19118046	Nguyễn Văn Dương	DH19CC							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19118041	K' Đông	DH19CC			4,5	5		9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19153017	Nguyễn Thanh Hải	DH19CD			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19118074	Ngô Minh Hoàng	DH19CC			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19138027	Bùi Huỳnh Song Huy	DH19TD			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19153029	Hoàng Cao Khải	DH19CD			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19118104	Nguyễn Chí KHải	DH19CC			4,5	4		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19118110	Lâm Hào Khôn	DH19CC			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19138052	Đặng Nghĩa Nhân	DH19TD			5	5		10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19118182	Lê Đình Phước	DH19CC			5	5		10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19138064	Vũ Đức Phương	DH19TD			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19153066	Nguyễn Trần Sang	DH19CD			5	5		10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19154136	Phạm Văn Tân	DH19OT			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02940

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 06

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153072	Hồ Chí Thanh	DH19CD			4,5	4		8,5	0012345678910	0123456789
18	19118214	Lê Ngọc Thanh	DH19CK			4,5	4		8,5	0012345678910	0123456789
19	19118235	Trần Thành Tiên	DH19CC			4	4		8,0	0012345678910	0123456789
20	19118243	Nguyễn Tấn Tịnh	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
21	19118244	Nguyễn Phúc Toại	DH19CC			4,5	5		9,5	0012345678910	0123456789
22	19118254	Huỳnh Như Trọng	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
23	19118258	Vũ Đình Trung	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
24	19118263	Võ Văn Tư	DH19CC			4,5	4		8,5	0012345678910	0123456789
25	19118278	Phan Văn Vĩnh	DH19CC			2	3		5,0	0012345678910	0123456789
26	19118284	Lâm Tuấn Vỹ	DH19CC			4	5		9,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 1

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Quách Công Tuấn

Phan Minh Hiếu



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 07

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19138001	Võ Hoà An	DH19TD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
2	19153002	Nguyễn Đức Anh	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
3	19153007	Trương Quốc Đạt	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
4	19138020	Đinh Văn Hiền	DH19TD			4,5	4		8,5	0012345678910	0123456789
5	19138028	Nguyễn Văn Huy	DH19TD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
6	19138026	Nguyễn Viết Hưng	DH19TD			4,5	5		9,5	0012345678910	0123456789
7	19118084	Trần Trọng Hữu	DH19CC			4,5	4		8,5	0012345678910	0123456789
8	19154065	Diệp Vĩ Khang	DH19OT			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
9	19138032	Nguyễn Đình Khang	DH19TD			4,5	4		8,5	0012345678910	0123456789
10	19138034	Nguyễn Lê Hữu Khang	DH19TD			4,5	4		8,5	0012345678910	0123456789
11	19138038	Bùi Đăng Khoa	DH19TD			4,5	5		9,5	0012345678910	0123456789
12	19153033	Mai Đăng Khoa	DH19CD			4,5	4		8,5	0012345678910	0123456789
13	19153034	Chu Trương Đăng Khôi	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
14	19138042	Nguyễn Cao Kỳ	DH19TD			5	5		10,0	0012345678910	0123456789
15	19154083	Nguyễn Bảo Lâm	DH19OT			4,5	4		8,5	0012345678910	0123456789
16	19153041	Đặng Sơn Minh	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02941

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 07

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118145	Nguyễn Văn Minh	DH19CC			4,5	4		8,5	0012345678910	0123456789
18	19118146	Thạch Minh	DH19CC			4,5	4		8,5	0012345678910	0123456789
19	19153049	Võ Văn Nhất	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
20	19153053	Nguyễn Vương Nhựt	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
21	19138072	Trần Hoàng Thái	DH19TD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
22	19153070	Trương Văn Thái	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
23	19138077	Dương Văn Tiến	DH19TD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
24	19153082	Nguyễn Công Quyết	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
25	19153088	Nguyễn Công Trường	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
26	19153090	Mai Lê Tú	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 26

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trưởng Khoa/Tư lý

Phan Minh Hiền



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 08

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153001	Trần Phước An	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
2	19153008	Ngô Trung Đình	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
3	19153011	Huỳnh Cao Duy	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
4	19153012	Lê Công Tiến	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
5	19153013	Nguyễn Võ Anh	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
6	19153014	Phạm Đình Duy	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
7	19153015	Phan Nguyễn Minh	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
8	19153010	Nguyễn Ngọc Dương	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
9	19153004	Nguyễn Hải Đăng	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
10	19153006	Võ Quan Đăng	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
11	19153016	Mai Xuân Hải	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
12	19153020	Nguyễn Ngọc Hiếu	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
13	19153026	Trần Quốc Huy	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
14	19153036	Trần Anh Kiệt	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
15	19153039	Lê Văn Lộc	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
16	19153048	Lý Thanh Nhân	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02942

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 08

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154106	Dương Hoài Nhân	DH19OT			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
18	19153056	Lê Văn Phong	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
19	19153057	Nguyễn Duy Phong	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
20	19138065	Lê Đăng Quang	DH19TD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
21	19153064	Lê Hữu Quý	DH19CD			5	5		10,0	0012345678910	0123456789
22	19153073	Nguyễn Tuấn Thanh	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
23	19153075	Nguyễn Tấn Thành	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
24	19153079	Hoàng Thông	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
25	19153080	Kiều Thuy	DH19CD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
26	19153086	Tạ Thị Ngọc Trinh	DH19CD			5	5		10,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 26

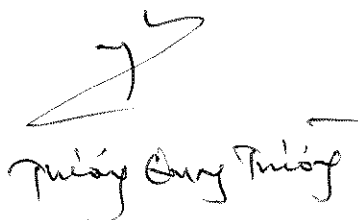
Cán bộ coi thi 1

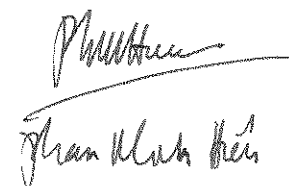
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Đăng Quang


Phan Minh Hiền

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 09

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153003	Vũ Văn Cường	DH19CD			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	15153007	Lê Công Danh	DH15CD			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19153021	Lê Phước Hoài	DH19CD							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19153025	Lương Quang Huy	DH19CD			4,5	4		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19153030	Nguyễn Duy Khang	DH19CD			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19153037	Đinh Văn Quyền	DH19CD			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19153043	Lê Tấn Thương	DH19CD			4,5	4		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	18154073	Tạ Hoàng Nam	DH18OT			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19153044	Trần Văn Nam	DH19CD			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19118158	Lê Hoàng Minh	DH19CK			3	4		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19153052	Đỗ Văn Tinh	DH19CD			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	18154092	Chau Sô Phát	DH18OT							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19153058	Cao Thành Phú	DH19CD			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19153061	Nguyễn Hồng Phúc	DH19CD			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19153062	Trần Nguyên Anh	DH19CD			2	3		5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

Cán bộ chấm thi 2

Phumreun
Phan Minh Kien



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập sản xuất (207223) - 01

CBGD: Lê Văn Tuấn (807)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu Vĩ Anh	DH18CC	Anh					10,0	0012345678910	0123456789
2	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC	Anh					9,0	0012345678910	0123456789
3	18118008	Phan Văn Chí Bảo	DH18CC	Bao					10,0	0012345678910	0123456789
4	18118012	Tạ Đức Cao Chương	DH18CC	Ch					10,0	0012345678910	0123456789
5	18118029	Trần Vĩnh Dụng	DH18CC	Dung					10,0	0012345678910	0123456789
6	18118033	Lê Phúc Duy	DH18CC	Duy					9,0	0012345678910	0123456789
7	18118036	Ung Phương Duy	DH18CC	Duy					9,0	0012345678910	0123456789
8	18118014	Bạch Thanh Đại	DH18CC	Dai					9,0	0012345678910	0123456789
9	18118021	Nguyễn Tiến Đạt	DH18CC	Dat					9,0	0012345678910	0123456789
10	18118022	Phan Thành Đạt	DH18CC	Dat					10,0	0012345678910	0123456789
11	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC		✓				✓	0012345678910	0123456789
12	18118024	Lê Xuân Đức	DH18CC	Duc					10,0	0012345678910	0123456789
13	18118039	Trần Tuấn Hiệp	DH18CC	Hiep					8,0	0012345678910	0123456789
14	19118074	Ngô Minh Hoàng	DH19CC	Hoang					8,0	0012345678910	0123456789
15	19118084	Trần Trọng Hữu	DH19CC	Huu					9,0	0012345678910	0123456789
16	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC	Khiem					10,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02876

Trang 2/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập sản xuất (207223) - 01

CBGD: Lê Văn Tuấn (807)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118058	Đào Đăng Khoa	DH18CC						9,0	0012345678910	0123456789
18	18118077	Thét Chủ Long	DH18CC						9,0	0012345678910	0123456789
19	18118069	Nguyễn Quý Lộc	DH18CC						10,0	0012345678910	0123456789
20	18118078	Hồ Minh Luân	DH18CC						9,0	0012345678910	0123456789
21	19118145	Nguyễn Văn Minh	DH19CC						8,0	0012345678910	0123456789
22	19118146	Thạch Minh	DH19CC		✓				✓	0012345678910	0123456789
23	18118086	Bùi Thị Trà My	DH18CC						10,0	0012345678910	0123456789
24	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC						10,0	0012345678910	0123456789
25	18118090	Phan Trung Nghĩa	DH18CC						9,0	0012345678910	0123456789
26	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC						8,0	0012345678910	0123456789
27	18118096	Đặng Danh Nhân	DH18CC						8,0	0012345678910	0123456789
28	18118100	Dương Thị Tuyết Nhi	DH18CC						10,0	0012345678910	0123456789
29	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC						8,5	0012345678910	0123456789
30	18118122	Nguyễn Minh Tâm	DH18CC						10,0	0012345678910	0123456789
31	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC						10,0	0012345678910	0123456789
32	18118128	Phạm Văn Thái	DH18CC						10,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02876

Trang 3/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập sản xuất (207223) - 01

CBGD: Lê Văn Tuấn (807)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC						8,5	0012345678910	0123456789
34	18118133	Lê Nguyễn Tuấn Thành	DH18CC						9,0	0012345678910	0123456789
35	18118137	Nguyễn Hoàng Thế	DH18CC						10,0	0012345678910	0123456789
36	18118139	Nguyễn Chí Thiện	DH18CC						9,0	0012345678910	0123456789
37	18118222	Châu Ngọc Ti	DH18CC		✓				✓	0012345678910	0123456789
38	18118152	Dương Minh Tiến	DH18CC						10,0	0012345678910	0123456789
39	18118155	Nguyễn Phát Tín	DH18CC						9,0	0012345678910	0123456789
40	18118157	Trần Duy Toàn	DH18CC						9,0	0012345678910	0123456789
41	18118164	Lê Minh Trung	DH18CC						9,0	0012345678910	0123456789
42	18118166	Nguyễn Quốc Trung	DH18CC						8,0	0012345678910	0123456789
43	18118171	Đặng Minh Tuấn	DH18CC						9,0	0012345678910	0123456789
44	18118176	Tổng Văn Tuấn	DH18CC						9,0	0012345678910	0123456789
45	18118178	Nguyễn Thanh Tùng	DH18CC						9,0	0012345678910	0123456789
46	18118180	Trần Văn Tuyên	DH18CC						10,0	0012345678910	0123456789
47	18118183	Nguyễn Hồ Phú Vinh	DH18CC						9,0	0012345678910	0123456789
48	18118185	Trần Phúc Vinh	DH18CC						9,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập sản xuất (207223) - 01

CBGD: Lê Văn Tuấn (807)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	18118186	Hoàng Long Vũ	DH18CC						10,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 3

Hiện diện: 46

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Anh Đức

Lê Văn Tuấn



Mã nhận dạng 03531

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Nhiệt động lực học kỹ thuật(207236)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH20CKC_01**

Tổ Thi **001_DH20CKC_01**

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

HD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118127	Nguyễn Việt Nguyên	Chương	DH20CKC		9	2	1,5	2,4	0010345678910	012356789
2	20118145	Dương Nguyễn Viết	Dũng	DH20CKC						00102345678910	0123456789
3	20118151	Phùng Khánh	Duy	DH20CKC		9	1,0	7	5,4	00102345678910	012356789
4	20118153	Lê Phan Minh	Hải	DH20CKC		9	10	7	8,1	00102345678910	023456789
5	17118161	Lê Minh	Hoàng	DH17CKC		9	7,5	8	8,0	00102345678910	123456789
6	17118165	Nguyễn Minh	Huy	DH17CKC		9	4	6,5	6,0	00102345678910	123456789
7	20152009	Vũ Đặng Tuấn	Kiệt	DH20CKC						00102345678910	0123456789
8	20118089	Thái Tấn	Lộc	DH20CKC		9	8	3	5,1	00102345678910	023456789
9	20118190	Lê Vĩnh	Lợi	DH20CKC		9	0	3,5	3,0	00102345678910	123456789
10	20118191	Nguyễn Đức	Lợi	DH20CKC		8,5	2	3	3,3	00102345678910	0123456789
11	20118199	Chu Phương	Nam	DH20CKC		9	1	2,5	2,7	0010345678910	012345689
12	20118205	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	DH20CKC						00102345678910	0123456789
13	20118226	Đào Sĩ	Phong	DH20CKC		9	5,5	1	3,2	00102345678910	013456789
14	20118238	Đỗ Minh	Quang	DH20CKC		9	10	5	6,9	00102345678910	0123456789
15	20118249	Nguyễn Văn	Tâm	DH20CKC		9	8	9	8,7	00102345678910	012345689
16	20118281	Lê Anh	Tuấn	DH20CKC		9	8,5	6	7,1	00102345678910	023456789



Mã nhận dạng 03531

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Nhiệt động lực học kỹ thuật(207236)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20CKC_01

Tổ Thi

001_DH20CKC_01

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi 07/07/2022

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

HD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118288	Lương Nhật Trần Vinh	DH20CKC		1/1					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi 12. Số sinh viên vắng 4...

Ngày 26 Tháng 7 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N.V. Kiep

Hồ Văn Nghĩa

Nguyễn Phú

Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 03532

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật sấy(207237)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH18CKC_01**

Tổ Thi **001_DH18CKC_01**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD201**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118192	Lê Tiến Đạt	DH18CKC			9	7,4	7	7,3	0012345678910	0123456789
2	18118195	Trần Nguyễn Trí Đức	DH18CKC			9	5,4	9	7,9	0012345678910	0123456789
3	18118200	Nguyễn Thị Thu Hiền	DH18CKC			9	9,2	8	8,5	0012345678910	0123456789
4	18118202	Trần Văn Hoài	DH18CKC			9	4,5	3,5	4,4	0012345678910	0123456789
5	18118204	Phạm Đăng Huy	DH18CKC			9	4	2,5	3,6	0012345678910	0123456789
6	18118207	Trịnh Ngọc Lâm	DH18CKC			9	7,2	9	8,5	0012345678910	0123456789
7	18118208	Nguyễn Bá Long	DH18CKC			9	7,1	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
8	18118209	Phạm Bùi Hải Long	DH18CKC			9	7,3	9,5	8,8	0012345678910	0123456789
9	18118210	Phạm Trung Long	DH18CKC			9	7,4	9,5	8,8	0012345678910	0123456789
10	18118212	Nguyễn Xuân Nguyên	DH18CKC			9	8,9	7	7,8	0012345678910	0123456789
11	18118108	Nguyễn Huy Phúc	DH18CKC				✓			0012345678910	0123456789
12	18118214	Nguyễn Hoài Sang	DH18CKC			9	9,3	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
13	18118215	Hoàng Thái Sơn	DH18CKC			9	6,8	9,5	8,6	0012345678910	0123456789
14	18118217	Nguyễn Trung Tín	DH18CKC			9	4,3	8,5	7,3	0012345678910	0123456789
15	18118219	Nguyễn Đặng Quỳnh Trâm	DH18CKC			9	5,6	7	6,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03532

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật sấy(207237)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CKC_01**

Tổ Thi **001_DH18CKC_01**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD201**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 15 Số sinh viên vắng 0...

Ngày 26 Tháng 7 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


N.V. Kiệp


Hồ Văn Nghĩa


Lê Anh Đức


Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 03533

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20CK_01

Tổ Thi 001_DH20CK_01

Tên CBGD Lê Quang Giảng

Ngày Thi 05/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi HD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118111	Nguyễn Duy An	DH20CK	<i>AK</i>		5	5	5,5	5,3	0012345678910	0123456789
2	20153057	Vương Trần Gia Bảo	DH20CD	<i>Bảo</i>		6	6	8	7,2	0012345678910	0123456789
3	20118125	Trần Thanh Bình	DH20CK	<i>Suo</i>		4	4,5	5,5	5,0	0012345678910	0123456789
4	17153011	Nguyễn Minh Chiến	DH17CD	<i>Vàng</i>						0012345678910	0123456789
5	20118147	Nguyễn Tấn Dũng	DH20CK	<i>Dũng</i>		5	5	5,5	5,3	0012345678910	0123456789
6	20118011	Đặng Hữu Minh Duy	DH20CK	<i>Duc</i>		8	8	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
7	20118149	Nguyễn Văn Duy	DH20CK	<i>Phu</i>		5	5	5	5,0	0012345678910	0123456789
8	20118150	Phạm Hoàng Đông Duy	DH20CK	<i>B</i>		6	5,5	5,5	5,6	0012345678910	0123456789
9	20118136	Võ Thái Đạt	DH20CK	<i>Dat</i>		5	5	5	5,0	0012345678910	0123456789
10	20118130	Trần Minh Đăng	DH20CK	<i>Trun</i>		5,5	6	4,5	5,0	0012345678910	0123456789
11	20153070	Nguyễn Ngọc Đình	DH20CD	<i>Dinh</i>		5	0	2	2,2	0012345678910	0123456789
12	17153016	Nguyễn Trung Đức	DH17CD	<i>Vàng</i>						0012345678910	0123456789
13	20118143	Nguyễn Anh Đức	DH20CK	<i>Anh</i>		5	5	6,5	5,9	0012345678910	0123456789
14	20118144	Phạm Minh Đức	DH20CK	<i>Phu</i>		5,5	6	5,5	5,6	0012345678910	0123456789
15	20118154	Nguyễn Xuân Hải	DH20CK	<i>Hai</i>		9,5	6	4	5,5	0012345678910	0123456789
16	20118164	Trần Trung Hiếu	DH20CK	<i>Tru</i>		5,5	6	4,5	5,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03533

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH20CK_01

Tổ Thi 001_DH20CK_01

Tên CBGD Lê Quang Giảng

Ngày Thi 05/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi HD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118160	Nguyễn Minh Hiếu	DH20CK	Vang						0012345678910	0123456789
18	20153076	Nguyễn Trung Hiếu	DH20CD	Th		9	8,5	8	8,3	0012345678910	0123456789
19	20153081	Vũ Đình Hoàng	DH20CD	Vang						0012345678910	0123456789
20	20118166	Lâm Long Hồ	DH20CK			9	9	10	9,6	0012345678910	0123456789
21	20118169	Nguyễn Văn Hùng	DH20CK			4,5	5	6,5	5,8	0012345678910	0123456789
22	20118172	Nguyễn Bá Huy	DH20CK	Huy		5	5	5	5,0	0012345678910	0123456789
23	20118173	Nguyễn Mạnh Huy	DH20CK	Huy		5,5	6	4,5	5,0	0012345678910	0123456789
24	20118175	Phan Lê Ngọc Huy	DH20CK	Huy		7	7	6	6,4	0012345678910	0123456789
25	20118176	Võ Đức Phát Huy	DH20CK			6,5	7	4	5,1	0012345678910	0123456789
26	20118170	Nguyễn Bình Hưng	DH20CK			7	6	4	5,0	0012345678910	0123456789
27	19118104	Nguyễn Chí Khải	DH19CC	Kh		6,5	6,5	4	5,0	0012345678910	0123456789
28	20118181	Nguyễn Hoàng Khang	DH20CK	Khang		6	7	4	5,0	0012345678910	0123456789
29	20118182	Lê Minh Khanh	DH20CK	Khanh		5,5	6	4,5	5,0	0012345678910	0123456789
30	20118033	Nguyễn Quốc Khánh	DH20CK			6	0	3	3,0	0012345678910	0123456789
31	20153091	Nguyễn Đình Khiêm	DH20CD	Khiem		5	5	4	4,4	0012345678910	0123456789
32	20118186	Trần Văn Kiên	DH20CC	Kien		5,5	6	4,5	5,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03533

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH20CK_01 Tổ Thi 001_DH20CK_01 Tên CBGD Lê Quang Giảng
Ngày Thi 05/07/2022 Giờ Thi 12:15 Phòng Thi HD205

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20118187	Trần Tuấn Kiệt	DH20CK			0	2	3	2,2	0012345678910	0123456789
34	20118194	Nguyễn Minh Phi Long	DH20CK			6	4	3	3,8	0012345678910	0123456789
35	20153096	Lê Thanh Lộc	DH20CD			6	6	6	6,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 3. Số sinh viên vắng 4.

Ngày 14 Tháng 7 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N.V. Kiep

Phan Trung Nghia

TS. Nguyễn Đức Khuyên

Lê Quang Giảng



Mã nhận dạng 03534

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH20CK_01

Tổ Thi 002_DH20CK_01

Tên CBGD Lê Quang Giảng

Ngày Thi 05/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi CT102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118195	Hồ Quang Luyt	DH20CK	Luyt		4	4	0	1,6	0002345678910	0123456789
2	20153099	Nguyễn Hữu Lý	DH20CD	ly		5	5	6	5,6	0012345678910	0123456789
3	17118059	Nguyễn Hoàng Yến	DH17CK	Nguyen		9	10	7	8,0	0012345678910	0123456789
4	20118198	Võ Quốc Minh	DH20CK	minh		0	0	5	3,0	0012345678910	0123456789
5	19118148	Huỳnh Hoài Nam	DH19CK			3,5	5	5,5	5,0	0012345678910	0123456789
6	20118207	Trần Minh Nghĩa	DH20CK	nghe		8,5	5	6,5	6,6	0012345678910	0123456789
7	20118209	Trần Thái Ngọc	DH20CK			9	7	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
8	20118210	Đào Nguyễn Trung	DH20CK	nguyen		9	6	6	6,6	0012345678910	0123456789
9	18118092	Nguyễn Trọng	DH18CK			7	7	6	6,4	0012345678910	0123456789
10	20118212	Lê Thanh Nhân	DH20CK			7	9	6	6,8	0012345678910	0123456789
11	20118214	Nguyễn Lê Trọng Nhân	DH20CK	nhân		4	4	1,5	2,5	0012345678910	0123456789
12	20118215	Phan Văn Nhất	DH20CK	nhac		4	3	4	3,8	0012345678910	0123456789
13	20118222	Dương Tuấn Phát	DH20CK	phat		5	5	5	5,0	0012345678910	0123456789
14	20118223	Phan Kim Phát	DH20CK							0012345678910	0123456789
15	20118224	Phan Thành Phát	DH20CK	phat		8	4	5	5,4	0012345678910	0123456789
16	20118225	Trần Nhật Phát	DH20CK							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03534

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH20CK_01

Tổ Thi 002_DH20CK_01

Tên CBGD Lê Quang Giảng

Ngày Thi 05/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi CT102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118227	Đỗ Thanh Phong	DH20CK							0012345678910	0123456789
18	20153107	Hồ Gia Phong	DH20CD							0012345678910	0123456789
19	20153109	Trần Vĩnh Phú	DH20CD			6	7,5	4,5	5,4	0012345678910	0123456789
20	20153113	Lê Văn Phúc	DH20CD			5,5	6	4,5	5,0	0012345678910	0123456789
21	20118107	Phạm Đình Phúc	DH20CK			6	7	6	6,2	0012345678910	0123456789
22	19154124	Phan Văn Phương	DH19OT							0012345678910	0123456789
23	20118235	Võ Hoài Phương	DH20CK			6	6	5,5	5,7	0012345678910	0123456789
24	17118091	Hoàng Kim Sơn	DH17CK			7	9	8	8,0	0012345678910	0123456789
25	20118243	Đỗ Đức Tài	DH20CK			4	4	6,5	5,5	0012345678910	0123456789
26	20118245	Trần Minh Tài	DH20CK			5	6,5	5,5	5,6	0012345678910	0123456789
27	20118247	Huỳnh Thanh Tâm	DH20CK			9	9	6	7,2	0012345678910	0123456789
28	20118258	Ung Ngọc Thành	DH20CK			8,5	6	8	7,7	0012345678910	0123456789
29	16154086	Bùi Xuân Thắng	DH16OT							0012345678910	0123456789
30	20118255	Nguyễn Quốc Thắng	DH20CK			5	5	7	6,2	0012345678910	0123456789
31	17154091	Phạm Bá Thắng	DH17OT							0012345678910	0123456789
32	20118263	Nguyễn Hoàng Thông	DH20CK							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03534

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH20CK_01

Tổ Thi 002_DH20CK_01

Tên CBGD Lê Quang Giảng

Ngày Thi 05/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi CT102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20118264	Nguyễn Đức Thuần	DH20CK			6	6	5	5,4	0012345678910	0123456789
34	20118271	Nguyễn Ngọc Toàn	DH20CK			6,5	4	5,5	5,4	0012345678910	0123456789
35	20118272	Phạm Đức Toàn	DH20CK			6	6	7	6,6	0012345678910	0123456789
36	20153131	Trần Nguyễn Nhật Trà	DH20CK							0012345678910	0123456789
37	20118274	Nguyễn Trọng Triết	DH20CK			6,5	6	7	6,7	0012345678910	0123456789
38	20118275	Lê Minh Trọng	DH20CK			7	7	5	5,8	0012345678910	0123456789
39	20118276	Huỳnh Quang Trung	DH20CK			5	5	7	6,2	0012345678910	0123456789
40	20118285	Trương Thanh Tùng	DH20CK							0012345678910	0123456789
41	20118286	Nguyễn Thái Vi	DH20CK			3	4	6,5	5,3	0012345678910	0123456789
42	20118287	Ngô Anh Việt	DH20CK			4	4,5	5,5	5,0	0012345678910	0123456789
43	20118289	Nguyễn Xuân Vinh	DH20CK			5	4	5,5	5,1	0012345678910	0123456789
44	20118291	Lâm Huỳnh Anh Vũ	DH20CK			9	9	10	9,6	0012345678910	0123456789
45	20118292	Trần Quốc Vương	DH20CK			7	7	10	8,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03534

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20CK_01

Tổ Thi 002_DH20CK_01

Tên CBGD Lê Quang Giảng

Ngày Thi 05/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi CT102

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 3.5 Số sinh viên vắng ...10.

Ngày 16 Tháng 7 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Quang Giảng

Hồ Văn Nghĩa

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Lê Quang Giảng



Mã nhận dạng 03535

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quản l 203240

Số Tín Ch 1

Nhóm Thi DH21CC_01

Tổ Thi 001_DH21CC_01

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

HD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21118172	Huỳnh Hải Bằng	DH21CC			9		5,5	6,2	0012345678910	0123456789
2	21118173	Trần Lê Bằng	DH21CC			9		8,5	8,6	0012345678910	0123456789
3	21118182	Vũ Đình Chương	DH21CC			8		6	6,4	0012345678910	0123456789
4	21118188	Nguyễn Duy Cường	DH21CC			9		2,5	3,8	0012345678910	0123456789
5	21118195	Bùi Đại Danh	DH21CC			9		3,5	4,6	0012345678910	0123456789
6	21118208	Lê Quý Dung	DH21CC			9		4	5,0	0012345678910	0123456789
7	21118210	Trần Lê Quốc Dũng	DH21CC			9		5	5,8	0012345678910	0123456789
8	21118036	Cao Bảo Duy	DH21CC			9		7	7,4	0012345678910	0123456789
✓ 9	21118212	Đặng Thái Duy	DH21CC		—					0012345678910	0123456789
10	21118219	Nguyễn Thanh Duy	DH21CC			9		5,5	6,2	0012345678910	0123456789
11	21118026	Huỳnh Tấn Đạt	DH21CC			9		5	5,8	0012345678910	0123456789
✓ 12	21118201	Lê Tấn Đạt	DH21CC		—					0012345678910	0123456789
13	21118203	Trần Thanh Đạt	DH21CC			9		3,0	4,2	0012345678910	0123456789
14	21118031	Trần Gia Điền	DH21CC			9		4	5,0	0012345678910	0123456789
15	21118044	Nguyễn Quốc Em	DH21CC			9		4,5	5,4	0012345678910	0123456789
✓ 16	21118221	Trần Nhật Hải	DH21CC		—					0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03535

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quản l 208240 Số Tin Ch 1
Nhóm Thi DH21CC_01 Tổ Thi 001_DH21CC_01 Tên CBGD Lê Anh Đức
Ngày Thi 04/07/2022 Giờ Thi 07:30 Phòng Thi HD203

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21118222	Vũ Đình Hải	DH21CC			9		6	6,6	0012345●78910	012345●789
✓ 18	21118048	Nguyễn Đăng Nhật	DH21CC		—					●012345678910	0123456789
19	21118225	Hồ Đức	DH21CC			9		2	3,4	0012●45678910	0123●56789
20	21118229	Trần Văn	DH21CC			9		6	6,6	0012345●78910	012345●789
21	21118233	Đỗ Sơn	DH21CC			9		3	4,2	00123●5678910	01●3456789
22	21118058	Trần Vĩnh	DH21CC			9		5	5,8	001234●678910	01234567●9
23	21118254	Dương Gia	DH21CC			9		2,5	3,8	0012●45678910	01234567●9
24	21118256	Lý Triệu	DH21CC			9		5	5,8	001234●678910	01234567●9
✓ 25	21118250	Huỳnh Văn	DH21CC		—					●012345678910	0123456789
26	21118267	Huỳnh Thái	DH21CC			9		2,5	3,8	0012●45678910	01234567●9
27	21118272	Đỗ Đăng	DH21CC			9		4	5,0	001234●678910	●123456789
28	21118273	Huỳnh Đăng	DH21CC			9		5,5	6,2	0012345●78910	01●3456789
29	21118274	Nguyễn Thành	DH21CC			8		5,5	6,0	0012345●78910	●123456789
30	21118276	Huỳnh Minh	DH21CC			9		4	5,0	001234●678910	●123456789
✓ 31	21118279	Võ Trung	DH21CC		—					●012345678910	0123456789
✓ 32	21118081	Ngô Tuấn	DH21CC		—					●012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03535

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quản l 208240 Số Tín Ch 1
Nhóm Thi DH21CC_01 Tổ Thi 001_DH21CC_01 Tên CBGD Lê Anh Đức
Ngày Thi 04/07/2022 Giờ Thi 07:30 Phòng Thi HD203

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21118285	Trần Anh Kiệt	DH21CC			9		4	5,0	0012345678910	0123456789
34	21118288	Đinh Văn Lâm	DH21CC			9		5	5,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 2 Số sinh viên vắng 7

Ngày 26 Tháng 7 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Tuấn

Nguyễn Thanh Trung

Nguyễn Đức Khuyết

Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 03536

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quản I 208240

Số Tín Ch 1

Nhóm Thi DH21CC_01

Tổ Thi 002_DH21CC_01

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21118294	Võ Nguyễn Gia Lập	DH21CC				8	2	3,2	0012345678910	0123456789
2	21118297	Lê Phát Tài Lộc	DH21CC				9	3	4,2	0012345678910	0123456789
3	21118086	Nguyễn Thiên Lộc	DH21CC				9	4	5,0	0012345678910	0123456789
4	21118301	Nguyễn Thành Luân	DH21CC				9	7	7,4	0012345678910	0123456789
5	21118311	Phạm Văn Minh	DH21CC				9	6	6,6	0012345678910	0123456789
6	21118316	Trần Phương Nam	DH21CC				9	2	3,4	0012345678910	0123456789
7	21118317	Vũ Trọng Nghĩa	DH21CC							0012345678910	0123456789
8	21118319	Trương Văn Ngọ	DH21CC				9	4	5,0	0012345678910	0123456789
9	21118320	Nguyễn Khôi Nguyên	DH21CC				9	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
10	21118322	Trần Thái Nguyên	DH21CC				9	4	5,0	0012345678910	0123456789
11	21118325	Trần Hoàng Nhân	DH21CC				9	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
12	21118326	Lê Nguyễn An Nhất	DH21CC							0012345678910	0123456789
13	21118327	Nguyễn Trọng Nhất	DH21CC				9	1,5	3,0	0012345678910	0123456789
14	21118336	Lê Quang Phú	DH21CC				9	4,5	5,4	0012345678910	0123456789
15	21118348	Phạm Thanh Quang	DH21CC				9	2	3,4	0012345678910	0123456789
16	21118345	Đặng Minh Quân	DH21CC				9	2	3,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03536

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quản I 208240

Số Tín Ch 1

Nhóm Thi DH21CC_01

Tổ Thi 002_DH21CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21118354	Đình Văn Quý	DH21CC				9	3	4,2	0012345678910	0123456789
18	21118355	Hồ Văn Minh Quý	DH21CC				9	2	3,4	0012345678910	0123456789
19	21118356	Huỳnh Văn Quý	DH21CC							0012345678910	0123456789
20	21118358	Nguyễn Thân Hữu Quý	DH21CC				9	2	3,4	0012345678910	0123456789
21	21118361	Trần Thái Quyền	DH21CC				9	3,5	4,6	0012345678910	0123456789
22	21118362	Châu Văn Sang	DH21CC				8	2	3,2	0012345678910	0123456789
23	21118365	Nguyễn Thành Sơn	DH21CC				9	3	4,2	0012345678910	0123456789
24	21118371	Trần Nguyễn Hoàng Tân	DH21CC				9	2,5	3,8	0012345678910	0123456789
25	21118372	Trần Nhật Tân	DH21CC				9	3,5	4,6	0012345678910	0123456789
26	21118376	Lê Thế Thanh	DH21CC				9	4	5,0	0012345678910	0123456789
27	21118377	Bùi Tiến Thành	DH21CC				9	1,5	3,0	0012345678910	0123456789
28	21118374	Nguyễn Huỳnh Quốc Thắng	DH21CC				9	2	3,4	0012345678910	0123456789
29	21118384	Nguyễn Ngọc Thuận	DH21CC				9	6	6,6	0012345678910	0123456789
30	21118385	Mai Duy Thuật	DH21CC				9	4,5	5,4	0012345678910	0123456789
31	21118390	Ngô Hoàng Bảo Tiến	DH21CC				9	5	5,8	0012345678910	0123456789
32	21118391	Trần Ngọc Tính	DH21CC				9	8	8,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03536

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quản I 208240

Số Tin Ch 1

Nhóm Thi DH21CC_01

Tổ Thi 002_DH21CC_01

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21118394	Phạm Minh Trí	DH21CC				9	5	5,8	001234●678910	01234567●9
34	21118398	Lê Quốc Triệu	DH21CC				9	4	5,0	001234●678910	●123456789
35	21118402	Trương Quang Trung	DH21CC				9	5	5,8	001234●678910	01234567●9
36	21118405	Nguyễn Sơn Trường	DH21CC				9	4	5,0	001234●678910	●123456789
37	21118406	Phạm Văn Trường	DH21CC				9	8,5	8,6	001234567●910	012345●789
38	21118407	Nguyễn Anh Tú	DH21CC				9	7,5	7,8	00123456●8910	01234567●9
39	21118409	Đoàn Nguyễn Anh Tuấn	DH21CC				9	2,5	3,8	0012●45678910	01234567●9
40	21118412	Phạm Trung Tuấn	DH21CC				9	2	3,4	0012●45678910	0123●56789
41	21118414	Nguyễn Thanh Tùng	DH21CC				9	3,5	4,6	00123●5678910	012345●789
42	21118416	Huỳnh Nguyễn Duy Tường	DH21CC				9	3	4,2	00123●5678910	01●3456789
43	21118426	Dương Tấn Vũ	DH21CC				9	4	5,0	001234●678910	●123456789
44	21118430	Nguyễn Văn Hoàng Vũ	DH21CC				9	4	5,0	001234●678910	●123456789
45	21118431	Trần Quốc Vũ	DH21CC				8	2	3,2	0012●45678910	01●3456789
46	21118433	Đỗ Tiến Vỹ	DH21CC				9	5,5	6,2	0012345●78910	01●3456789
47	21118434	Trần Đình Xuân	DH21CC				9	2	3,4	0012●45678910	0123●56789



Mã nhận dạng 03536

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quản 1 208240 Số Tin Ch 1
Nhóm Thi DH21CC_01 Tổ Thi 002_DH21CC_01 Tên CBGD Lê Anh Đức
Ngày Thi 04/07/2022 Giờ Thi 07:30 Phòng Thi TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 44 Số sinh viên vắng 03..

Ngày 26 Tháng 7 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

phan thanh hien

nguyen nhut long

ng anh đức

le anh đức



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Bảo dưỡng máy (207243) - 01

CBGD: Lê Văn Tuấn (807)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC						9,0	0012345678910	0123456789
2	18118029	Trần Vĩnh Dũng	DH18CC						8,0	0012345678910	0123456789
3	18118036	Ung Phương Duy	DH18CC						7,0	0012345678910	0123456789
4	18118022	Phan Thành Đạt	DH18CC						7,0	0012345678910	0123456789
5	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC		✓				✓	0012345678910	0123456789
6	18118069	Nguyễn Quý Lộc	DH18CC						7,0	0012345678910	0123456789
7	18118086	Bùi Thị Trà My	DH18CC						8,0	0012345678910	0123456789
8	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC						8,0	0012345678910	0123456789
9	18118100	Dương Thị Tuyết Nhi	DH18CC						7,0	0012345678910	0123456789
10	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC						7,0	0012345678910	0123456789
11	18118137	Nguyễn Hoàng Thế	DH18CC						8,0	0012345678910	0123456789
12	18118155	Nguyễn Phát Tín	DH18CC						8,0	0012345678910	0123456789
13	18118157	Trần Duy Toàn	DH18CC						8,0	0012345678910	0123456789
14	18118164	Lê Minh Trung	DH18CC						8,0	0012345678910	0123456789
15	18118166	Nguyễn Quốc Trung	DH18CC						6,0	0012345678910	0123456789
16	18118186	Hoàng Long Vũ	DH18CC						8,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 1

Hiện diện: 15

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 28/03/2022 10:09

Lê Anh Đức

Lê Văn Tuấn



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Bảo dưỡng máy (207243) - 02

CBGD: Lê Văn Tuấn (807)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu Vĩ Anh	DH18CC						6,0	0012345678910	0123456789
2	18118008	Phan Văn Chí Bảo	DH18CC						10,0	0012345678910	0123456789
3	18118012	Tạ Đức Cao	DH18CC						8,0	0012345678910	0123456789
4	18118014	Bạch Thanh Đại	DH18CC						8,0	0012345678910	0123456789
5	18118024	Lê Xuân Đức	DH18CC						8,0	0012345678910	0123456789
6	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC						7,0	0012345678910	0123456789
7	18118058	Đào Đăng Khoa	DH18CC						9,0	0012345678910	0123456789
8	18118077	Thét Chủ Long	DH18CC						7,0	0012345678910	0123456789
9	18118090	Phan Trung Nghĩa	DH18CC						8,0	0012345678910	0123456789
10	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC						9,0	0012345678910	0123456789
11	18118096	Đặng Danh Nhân	DH18CC						7,0	0012345678910	0123456789
12	18118122	Nguyễn Minh Tâm	DH18CC						7,0	0012345678910	0123456789
13	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC						7,0	0012345678910	0123456789
14	18118128	Phạm Văn Thái	DH18CC						7,0	0012345678910	0123456789
15	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC						6,0	0012345678910	0123456789
16	18118133	Lê Nguyễn Tuấn Thành	DH18CC						8,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Bảo dưỡng máy (207243) - 02

CBGD: Lê Văn Tuấn (807)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118139	Nguyễn Chí Thiện	DH18CC						10,0	0012345678910	0123456789
18	18118222	Châu Ngọc Ti	DH18CC		✓				✓	0012345678910	0123456789
19	18118152	Dương Minh Tiến	DH18CC						8,0	0012345678910	0123456789
20	18118171	Đặng Minh Tuấn	DH18CC						7,0	0012345678910	0123456789
21	18118176	Tổng Văn Tuấn	DH18CC						8,0	0012345678910	0123456789
22	18118178	Nguyễn Thanh Tùng	DH18CC						8,0	0012345678910	0123456789
23	18118180	Trần Văn Tuyên	DH18CC						8,0	0012345678910	0123456789
24	18118183	Nguyễn Hồ Phú Vinh	DH18CC						8,0	0012345678910	0123456789
25	18118185	Trần Phúc Vinh	DH18CC						7,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 1

Hiện diện: 24

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Anh Đức

Lê Văn Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Máy thu hoạch (207305) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Lành (804)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 Đ1 %	Đ2 Đ2 %	Điểm Điểm	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118010	Nguyễn Hoàng Chính	DH18CK			8	7	9	8.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18118011	Nguyễn Trung Chính	DH18CK			9	8	9	8.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK			8	8	9	8.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	18118018	Nguyễn Võ Công Danh	DH18CK			✓	✓	✓	✓	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	18118023	Nguyễn Tấn Diễm	DH18CK			10	9	8	8.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	18118028	Triệu Quốc Dũng	DH18CK			8	9	8	8.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK			8	8	8	8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK			9	8	8	8.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	18118026	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CK			8	9	8	8.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	16118049	Nguyễn Văn Hào	DH16CK			9	8	8	8.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK			8	8	8	8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	18118044	Tổng An Hoài	DH18CK			10	9	8	8.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	18118045	Lê Quang Huy	DH18CK			9	8	8.5	8.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	18118047	Nguyễn Khánh Huy	DH18CK			8	9	8.5	8.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK			8	8	8.5	8.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	16118065	Phạm Tuấn Huy	DH16CK			9	9	8.5	8.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Máy thu hoạch (207305) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Lành (804)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 22 %	Đ2 22 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118051	Bùi Huynh	DH18CK			9	9	9	9.0	0012345678910	0123456789
18	18118055	Lê Minh	DH18CK			8	7	9	8.4	0012345678910	0123456789
19	18118060	Trần Bá	DH18CK			9	9	9	9.0	0012345678910	0123456789
20	18118071	Huỳnh Quốc	DH18CK			8	9	9	8.0	0012345678910	0123456789
21	18118074	Nguyễn Phi	DH18CK			8	8	8	8.0	0012345678910	0123456789
22	18118075	Nguyễn Thành	DH18CK			8	8	8	8.0	0012345678910	0123456789
23	18118076	Phạm Văn	DH18CK			9	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
24	18118068	Lê Quang	DH18CK			8	9	8	8.2	0012345678910	0123456789
25	17118059	Nguyễn Hoàng Yến	DH17CK			10	9	8	8.6	0012345678910	0123456789
26	18118082	Nguyễn Đình	DH18CK			10	8	8	8.4	0012345678910	0123456789
27	18118092	Nguyễn Trọng	DH18CK			9	9	8	8.4	0012345678910	0123456789
28	18118098	Nguyễn Trung	DH18CK			10	10	8	8.8	0012345678910	0123456789
29	18118103	Nguyễn Thuận	DH18CK			9	10	8	8.6	0012345678910	0123456789
30	18118104	Nguyễn Thanh	DH18CK			8	9	8	8.2	0012345678910	0123456789
31	18118106	Phùng Minh	DH18CK			8	10	8	8.4	0012345678910	0123456789
32	18118109	Nguyễn Huỳnh	DH18CK			9	8	8	8.2	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Máy thu hoạch (207305) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Lành (804)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK			9	9	8	8.4	0012345678910	0123456789
34	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK			8	9	8	8.2	0012345678910	0123456789
35	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK			9	9	8	8.4	0012345678910	0123456789
36	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK			8	9	8	8.4	0012345678910	0123456789
37	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK			8	8	9	8.6	0012345678910	0123456789
38	18118115	Quách Ngọc Quý	DH18CK			9	9	9	9.0	0012345678910	0123456789
39	17118092	Lê Văn Sơn	DH17CK			9	9	9	9.0	0012345678910	0123456789
40	17118094	Bùi Phụ Tâm	DH17CK			9	8	9	8.8	0012345678910	0123456789
41	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK			10	10	8.5	9.1	0012345678910	0123456789
42	18118135	Nguyễn Chí Thành	DH18CK			8	8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
43	18118138	Đặng Đoàn Minh Thi	DH18CK			8	9	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
44	18118140	Nguyễn Ngọc Thiện	DH18CK			8	10	8.5	8.7	0012345678910	0123456789
45	18118142	Nguyễn Quang Thìn	DH18CK			8	9	8	8.2	0012345678910	0123456789
46	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK			8	10	8	8.4	0012345678910	0123456789
47	18118145	Huỳnh Hữu Thọ	DH18CK			9	9	8	8.4	0012345678910	0123456789
48	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK			8	9	8	8.2	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Máy thu hoạch (207305) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Lành (804)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK			9	7	8	8.0	0012345678910	0123456789
50	18118162	Đỗ Văn Triệu	DH18CK			10	9	8	8.6	0012345678910	0123456789
51	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK			8	9	8	8.2	0012345678910	0123456789
52	18118168	Cao Quang Trường	DH18CK			9	9	8	8.4	0012345678910	0123456789
53	18118169	Nguyễn Xuân Trường	DH18CK			9	9	8	8.4	0012345678910	0123456789
54	18118172	Nguyễn Anh Tuấn	DH18CK			8	8	8	8.0	0012345678910	0123456789
55	18118175	Nguyễn Văn Minh Tuấn	DH18CK			9	9	8	8.4	0012345678910	0123456789
56	18118179	Võ Thanh Tùng	DH18CK			8	10	8	8.4	0012345678910	0123456789
57	18118181	Vũ Ngọc Tuyên	DH18CK			9	9	8	8.4	0012345678910	0123456789
58	18118182	Ngô Văn Việt	DH18CK			9	10	8	8.6	0012345678910	0123456789
59	17118137	Lê Đình Việt	DH17CK			9	10	8	8.6	0012345678910	0123456789
60	18118184	Tô Đức Vinh	DH18CK			9	9	8	8.4	0012345678910	0123456789
61	18118188	Phan Lý Kim Vũ	DH18CK			8	9	9	8.8	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Lành

Phạm Duy Lâm

Nguyễn Thanh Nghi

Nguyễn Văn Lành



Mã nhận dạng 03545

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Tủa bin hơi- khí(207420)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_01

Tổ Thi 001_DH19NL_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19137002	Châu Thanh Hoàng Anh	DH19NL	Anh			8	4	4,4	0012345678910	0123456789
2	19137004	Nguyễn Chí Bảo	DH19NL	Bao			9	4	5,0	0012345678910	0123456789
3	19137005	Nguyễn Hữu Chấn	DH19NL	Huu			9	5	5,8	0012345678910	0123456789
4	17137006	Lưu Nhất Chí	DH17NL	Chi			10	6,2	7,0	0012345678910	0123456789
5	19137006	Lê Ngô Chí	DH19NL	Chi			10	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
6	19137007	Nguyễn Vương Chiến	DH19NL	Chien			9	4	5,0	0012345678910	0123456789
7	19137009	Huỳnh Tấn Cường	DH19NL	Cuong			9	4	5,0	0012345678910	0123456789
8	19137011	Nguyễn Long Cường	DH19NL	Cuong			9	5	5,8	0012345678910	0123456789
9	19137012	Nguyễn Văn Đàm	DH19NL	Dam			10	5,2	6,2	0012345678910	0123456789
10	19137013	Hồ Dương Tuấn Đạt	DH19NL	Dat			9	4,5	5,4	0012345678910	0123456789
11	19137014	Trần Minh Đạt	DH19NL	Dat			10	4	5,2	0012345678910	0123456789
12	19137018	Phạm Duy Hạnh	DH19NL	Hanh			10	7	7,6	0012345678910	0123456789
13	19137020	Nguyễn Trung Hậu	DH19NL	Hau			10	5	6,0	0012345678910	0123456789
14	19137021	Phạm Công Hoàng	DH19NL	Hong			10	3,5	4,8	0012345678910	0123456789
15	19137022	Phạm Văn Trí Hùng	DH19NL	Hung			9	3,5	4,6	0012345678910	0123456789
16	19137025	Nguyễn Minh Huy	DH19NL	Huy			7	4,0	4,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03545

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Tọa độ - không (207420)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_01

Tổ Thi 001_DH19NL_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137026	Nguyễn Phúc Gia Huy	DH19NL						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	19137027	Nguyễn Trần Gia Huy	DH19NL	Huy			8	5	5,6	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
19	19137028	Sầm Khắc Huy	DH19NL	Huy			10	6,2	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	19137029	Trần Văn Huy	DH19NL	Huy			9	4	5,0	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	19137023	Ngô Trần Hưng	DH19NL	Hung			8	4	4,8	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
22	19137024	Bùi Ngô Gia Hữu	DH19NL	Huu			8	6	6,4	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
23	19137031	Đặng Hoàng Khang	DH19NL	Khang			9	4,5	5,4	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
24	19137032	Nguyễn Hoàng Khang	DH19NL	Khang			8	3	4,0	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	19137033	Nguyễn Duy Khánh	DH19NL	Khanh			9	4	5,0	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	19137038	Phạm Đình Khởi	DH19NL	Khori			10	6,2	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	19137041	Nguyễn Phúc Lộc	DH19NL	Loc			9	2	3,4	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
28	19137042	Bùi Thị Yến Mi	DH19NL	Mi			10	2,4	3,9	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
29	19137043	Phạm Nhật Nam	DH19NL	Nam			9	1	2,6	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
30	19137044	Nguyễn Hoàng Ngoan	DH19NL	Ngoan			10	4,2	5,4	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
31	19137045	Nguyễn Ngọc Hoàng Ngọc	DH19NL						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	19137046	Nguyễn Phúc Nguyên	DH19NL	Nguyen			10	3	4,4	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 03545

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Tọa độ - khí(207420)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_01

Tổ Thi 001_DH19NL_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19137047	Đào Thành Nhân	DH19NL						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	19137048	Hoàng Công Nhật	DH19NL	<i>nhật</i>			6	3	3/6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	19137049	Đỗ Minh Phát	DH19NL				9	4	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	19137050	Trần Hoàng Phi	DH19NL	<i>PHI</i>			10	3,7	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	19137052	Hoàng Ngọc Nhật Quang	DH19NL	<i>Quang</i>			9	3	4,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	19137054	Huỳnh Thị Ngọc Quý	DH19NL	<i>Quý</i>			9	8	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	19137055	Nguyễn Thị Yến	DH19NL	<i>Yến</i>			9	4	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	19137056	Trần Nguyễn Sang	DH19NL	<i>Sang</i>			9	4	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	19137057	Thái Đức Sơn	DH19NL	<i>Sơn</i>			6	3	3,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	19137058	Cao Tấn Tài	DH19NL	<i>Tài</i>			0	4	3,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	19137060	Hoàng Nhân Tài	DH19NL	<i>Tài</i>			9	5	5,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	19137059	Hồ Anh Tài	DH19NL	<i>Tài</i>			10	4,2	5,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	19137061	Lương Ngọc Tân	DH19NL	<i>Tân</i>			10	4,2	5,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	19137062	Nguyễn Đăng Tân	DH19NL	<i>Tân</i>			9	3	4,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	19137063	Võ Nhật Tân	DH19NL	<i>Tân</i>			9	2	3,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	19137066	Châu Văn Thanh	DH19NL	<i>Thanh</i>			9	4	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 03545

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Tọa bin hơi- khí(207420)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_01

Tổ Thi 001_DH19NL_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19137068	Huỳnh Chí Thành	DH19NL				10	3,2	4,6	0012345678910	0123456789
50	19137069	Nguyễn Công	DH19NL				9	4	5,0	0012345678910	0123456789
51	19137070	Nguyễn Quốc	DH19NL				9	5	5,8	0012345678910	0123456789
52	19137065	Phạm Phước	DH19NL				9	3	4,2	0012345678910	0123456789
53	19137071	Bùi Quang	DH19NL				10	2	3,6	0012345678910	0123456789
54	19137075	Lê Thanh	DH19NL						✓	0012345678910	0123456789
55	17137072	Nguyễn Hoàng Anh	DH17NL				10	3,2	4,6	0012345678910	0123456789
56	19137077	Bùi Thành	DH19NL				9	3	4,2	0012345678910	0123456789
57	19137079	Huỳnh Quốc	DH19NL				10	7	7,6	0012345678910	0123456789
58	19137082	Từ Trường	DH19NL				10	5	4,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 11 Tháng 7 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến
Ngày in : 06/06/2022

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 03546

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật lạnh(207426)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_01

Tổ Thi 001_DH19NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Hào

Ngày Thi 07/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19137002	Châu Thanh Hoàng Anh	DH19NL	Anh		6.0	9.0	3.0	5.4	0012345678910	0123456789
2	19137004	Nguyễn Chí Bảo	DH19NL	Bao		5.0	9.0	3.0	5.2	0012345678910	0123456789
3	19137005	Nguyễn Hữu Chấn	DH19NL	Chấn		3.0	8.0	0	3.0	0012345678910	0123456789
4	19137006	Lê Ngô Chí	DH19NL	Chi		6.0	8.0	5.0	6.1	0012345678910	0123456789
5	19137007	Nguyễn Vương Chiến	DH19NL	Chiến		5.0	8.0	6.0	6.4	0012345678910	0123456789
6	19137009	Huỳnh Tấn Cường	DH19NL	Cuong		9.5	9.0	5.0	7.1	0012345678910	0123456789
7	19137011	Nguyễn Long Cường	DH19NL	Cuong		9.5	9.0	5.0	7.1	0012345678910	0123456789
8	19137012	Nguyễn Văn Đàm	DH19NL	Dam		3.0	7.0	7.0	6.2	0012345678910	0123456789
9	19137013	Hồ Dương Tuấn Đạt	DH19NL	Dat		7.0	8.0	4.0	5.8	0012345678910	0123456789
10	19137014	Trần Minh Đạt	DH19NL	Dat		3.0	8.0	6.0	6.0	0012345678910	0123456789
11	19137017	Nguyễn Thanh Hải	DH19NL	Hai		2.0	2.0	0	2.2	0012345678910	0123456789
12	19137018	Phạm Duy Hạnh	DH19NL	Hanh		8.0	9.0	3.0	5.8	0012345678910	0123456789
13	19137020	Nguyễn Trung Hậu	DH19NL	Hau		8.0	9.0	7.0	7.8	0012345678910	0123456789
14	19137021	Phạm Công Hoàng	DH19NL	Hoang		3.0	8.0	5.0	5.5	0012345678910	0123456789
15	19137022	Phạm Văn Trí Hùng	DH19NL	Hung		7.0	9.0	6.0	7.1	0012345678910	0123456789
16	19137025	Nguyễn Minh Huy	DH19NL	Huy		9.0	8.0	6.0	7.2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03546

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật lạnh(207426)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_01

Tổ Thi 001_DH19NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Hào

Ngày Thi 07/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137027	Nguyễn Trần Gia Huy	DH19NL	Huy		4.0	8.0	3.0	4.7	0012345678910	0123456789
18	19137028	Sâm Khắc Huy	DH19NL	Huy		8.0	9.0	8.0	8.3	0012345678910	0123456789
19	19137029	Trần Văn Huy	DH19NL	Huy		7.0	8.0	2.0	4.8	0012345678910	0123456789
20	19137023	Ngô Trần Hưng	DH19NL	Hung		8.0	9.0	7.0	6.8	0012345678910	0123456789
21	19137024	Bùi Ngô Gia Hữu	DH19NL	Huu		8.5	8.0	7.0	7.6	0012345678910	0123456789
22	19137031	Đặng Hoàng Khang	DH19NL	Khang		2.0	7.0	7.0	6.0	0012345678910	0123456789
23	19137032	Nguyễn Hoàng Khang	DH19NL	Khang		9.0	7.0	5.0	6.4	0012345678910	0123456789
24	19137033	Nguyễn Duy Khánh	DH19NL	Khánh		2.0	8.0	3.0	4.3	0012345678910	0123456789
25	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL	Khoa		2.0	9.0	2.0	4.1	0012345678910	0123456789
26	19137038	Phạm Đình Khởi	DH19NL	Khởi		1.0	8.0	5.0	6.9	0012345678910	0123456789
27	19137041	Nguyễn Phúc Lộc	DH19NL	Lộc		2.0	8.0	2.0	3.8	0012345678910	0123456789
28	19137042	Bùi Thị Yến Mi	DH19NL	Mi		7.0	9.0	6.0	7.1	0012345678910	0123456789
29	19137043	Phạm Nhật Nam	DH19NL	Nam		5.0	8.0	0	3.4	0012345678910	0123456789
30	19137044	Nguyễn Hoàng Ngoan	DH19NL	Ngoan		7.5	7.0	5.0	6.1	0012345678910	0123456789
31	19137046	Nguyễn Phúc Nguyên	DH19NL	Nguyên		7.5	8.0	2.0	4.9	0012345678910	0123456789
32	19137047	Đào Thành Nhân	DH19NL	Nhan						0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 03546

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật lạnh(207426)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_01

Tổ Thi 001_DH19NL_01

Tên CBGD Nguyễn Thanh Hào

Ngày Thi 07/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19137048	Hoàng Công Nhật	DH19NL	<i>nhật</i>		2.0	2.0	3.0	4.3	0012345678910	0123456789
34	19137049	Đỗ Minh Phát	DH19NL	<i>phát</i>		2.5	9.0	3.0	5.9	0012345678910	0123456789
35	19137050	Trần Hoàng Phi	DH19NL	<i>PHI</i>		7.0	8.0	3.0	5.3	0012345678910	0123456789
36	19137052	Hoàng Ngọc Nhật Quang	DH19NL	<i>Quang</i>		7.5	8.0	3.0	5.4	0012345678910	0123456789
37	19137054	Huỳnh Thị Ngọc Quý	DH19NL	<i>Quý</i>		1.0	8.0	6.0	7.4	0012345678910	0123456789
38	19137055	Nguyễn Thị Yên Quyên	DH19NL	<i>Yên</i>		7.0	9.0	3.0	5.6	0012345678910	0123456789
39	19137056	Trần Nguyễn Sang	DH19NL	<i>Sang</i>		5.0	9.0	3.0	5.2	0012345678910	0123456789
40	19137057	Thái Đức Sơn	DH19NL	<i>Sơn</i>		5.0	9.0	0	3.7	0012345678910	0123456789
41	19137058	Cao Tấn Tài	DH19NL	<i>Tài</i>		2.0	9.0	2.0	4.1	0012345678910	0123456789
42	19137060	Hoàng Nhân Tài	DH19NL	<i>Tài</i>		9.0	2.0	4.0	6.2	0012345678910	0123456789
43	19137059	Hồ Anh Tài	DH19NL	<i>Tài</i>		2.0	8.0	5.0	5.3	0012345678910	0123456789
44	19137061	Lương Ngọc Tân	DH19NL	<i>Tân</i>		1.0	9.0	4.0	6.7	0012345678910	0123456789
45	19137062	Nguyễn Đăng Tân	DH19NL	<i>Tân</i>		5.0	8.0	2.0	4.4	0012345678910	0123456789
46	19137063	Võ Nhật Tân	DH19NL	<i>Tân</i>		5.0	9.0	0	3.7	0012345678910	0123456789
47	19137066	Châu Văn Thanh	DH19NL	<i>Thanh</i>		1.0	8.0	0	2.8	0012345678910	0123456789
48	19137068	Huỳnh Chí Thành	DH19NL	<i>Thành</i>		7.5	9.0	7.0	7.7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03546

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật lạnh(207426)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_01

Tổ Thi 001_DH19NL_01

Tên CBGD Nguyễn Thanh Hào

Ngày Thi 07/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV201

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19137069	Nguyễn Công Thành	DH19NL			7.5	9.0	9.0	8.7	0012345678910	0123456789
50	19137070	Nguyễn Quốc Thành	DH19NL			4.0	8.0	5.0	5.7	0012345678910	0123456789
51	19137065	Phạm Phước Thắng	DH19NL			2.0	9.0	0	3.1	0012345678910	0123456789
52	19137071	Bùi Quang Thoại	DH19NL			5.0	7.0	1.0	3.6	0012345678910	0123456789
53	19137075	Lê Thanh Toàn	DH19NL							0012345678910	0123456789
54	19137077	Bùi Thành Trung	DH19NL			5.0	8.0	3.0	4.4	0012345678910	0123456789
55	19137079	Huỳnh Quốc Tuấn	DH19NL			1.0	9.0	7.0	8.2	0012345678910	0123456789
56	19137082	Từ Trường Vũ	DH19NL			2.0	7.0	6.0	5.5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 52 Số sinh viên vắng 9

Ngày 7 Tháng 7 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N.T. Hao

N.V. Kiệp

N.T. Hao



Mã nhận dạng 03549

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Lý thuyết truyền nhiệt(207436)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20NL_01

Tổ Thi

001_DH20NL_01

Tên CBGD

Lê Quang Giảng

Ngày Thi 06/07/2022

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20137063	Dương Lợi An	DH20NL			6	5	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
2	20137064	Nguyễn Tấn An	DH20NL			6	7	7	6,8	0012345678910	0123456789
3	20137066	Nguyễn Lê Quốc Bảo	DH20NL			5	6,5	6,5	6,2	0012345678910	0123456789
4	20137067	Nguyễn Thành Chí	DH20NL			8	9	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
5	20137070	Trịnh Tấn Dư	DH20NL			6	7,5	6,5	6,6	0012345678910	0123456789
6	20137068	Nguyễn Văn Đại	DH20NL				5,5	6,5	5,0	0012345678910	0123456789
7	20137009	Nguyễn Quốc Đạt	DH20NL			6	6	9	7,8	0012345678910	0123456789
8	20137069	Lê Minh Đăng	DH20NL			5	6,5	6,5	6,2	0012345678910	0123456789
9	20137074	Lê Thanh Hà	DH20NL			6	6	7,5	6,9	0012345678910	0123456789
10	20137076	Hồ Thị Hồng Hạnh	DH20NL			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
11	20137077	Phùng Vi Hào	DH20NL			5	6	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
12	20137078	Lê Quang Hào	DH20NL			5	5	5	5,0	0012345678910	0123456789
13	20137014	Nguyễn Nhựt Hiệp	DH20NL			7	8	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
14	20137084	Trần Quang Huy	DH20NL			6	7	9	8,0	0012345678910	0123456789
15	20137024	Trương Anh Huyền	DH20NL			6	7,0	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
16	20137085	Đặng Quang Khải	DH20NL			5	5	6,5	5,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03549

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Lý thuyết truyền nhiệt(207436)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20NL_01

Tổ Thi

001_DH20NL_01

Tên CBGD

Lê Quang Giảng

Ngày Thi 06/07/2022

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20137086	Lê Bảo Khang	DH20NL			6	7	7	6,8	0012345678910	0123456789
18	20137087	Cao Duy Khánh	DH20NL			5	6	5	5,2	0012345678910	0123456789
19	20137088	Võ Đăng Khoa	DH20NL			5	8,5	7	6,9	0012345678910	0123456789
20	20137089	Lý Chí Kiệt	DH20NL			5	5	5	5,0	0012345678910	0123456789
21	20137090	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH20NL			9	9,5	10	9,7	0012345678910	0123456789
22	20137091	Phạm Tuấn Kiệt	DH20NL			6	5,5	5	5,3	0012345678910	0123456789
23	20137094	Huỳnh Hoài Lâm	DH20NL			5	7	4,5	5,1	0012345678910	0123456789
24	20137095	Nguyễn Hoàng Linh	DH20NL			5	5,5	7	6,3	0012345678910	0123456789
25	20137096	Hà Phước Lộc	DH20NL			5	5	5	5,0	0012345678910	0123456789
26	20137098	Trần Đức Lương	DH20NL			5	5	6,5	5,9	0012345678910	0123456789
27	20137099	Phạm An Ninh	DH20NL			8	9	7	7,6	0012345678910	0123456789
28	20137100	Trần Thanh Pháp	DH20NL			7	8	5	6,0	0012345678910	0123456789
29	20137104	Bùi Lê Vĩnh Phú	DH20NL			5	5	5,5	5,3	0012345678910	0123456789
30	20137105	Nguyễn Trọng Phú	DH20NL			5	5	5,5	5,3	0012345678910	0123456789
31	20137107	Ngô Hoàng Phúc	DH20NL			7	8	8,5	8,1	0012345678910	0123456789
32	20137039	Đỗ Minh Quân	DH20NL			6	7	6	6,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03549

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Lý thuyết truyền nhiệt(207436)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20NL_01

Tổ Thi

001_DH20NL_01

Tên CBGD

Lê Quang Giảng

Ngày Thi 06/07/2022

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19137051	Phạm Trung Quân	DH20NL			5,5	6	4,5	5,0	0012345678910	0123456789
34	20137110	Đình Văn Quý	DH20NL			7	5	6	6,0	0012345678910	0123456789
35	20137111	Trần Thanh Sang	DH20NL							0012345678910	0123456789
36	20137112	Lê Văn Tài	DH20NL			4	4	7,5	6,1	0012345678910	0123456789
37	20137113	Nguyễn Trọng Tâm	DH20NL			6	6	5	5,4	0012345678910	0123456789
38	20137115	Đặng Nguyễn Hoàng Thái	DH20NL			5	5	5,5	5,3	0012345678910	0123456789
39	20137116	Nguyễn Dương Thái	DH20NL			6	5	6	5,8	0012345678910	0123456789
40	20152012	Hồ Vinh Thế	DH20NL			6,5	7	8,5	7,8	0012345678910	0123456789
41	20137118	Bùi Thị Nhật Thiên	DH20NL			7,5	8	9	8,5	0012345678910	0123456789
42	20137119	Lương Văn Thịnh	DH20NL			7	8	8,5	8,1	0012345678910	0123456789
43	20137047	Phạm Như Tâm	DH20NL			6	6	7	6,6	0012345678910	0123456789
44	20137122	Ngô Thanh Tiếng	DH20NL			9	9,5	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
45	20137126	Võ Bảo Toàn	DH20NL			5	5	5	5,0	0012345678910	0123456789
46	20137129	Nguyễn Thanh Trang	DH20NL			6	5	7	6,4	0012345678910	0123456789
47	17137072	Nguyễn Hoàng Anh Trí	DH17NL			5,5	6	8	7,1	0012345678910	0123456789
48	20137131	Trần Quốc Trung	DH20NL			9,5	10	10	9,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03549

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Lý thuyết truyền nhiệt(207436)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20NL_01

Tổ Thi

001_DH20NL_01

Tên CBGD

Lê Quang Giảng

Ngày Thi 06/07/2022

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV102

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	20137057	Lương Minh Tuấn	DH20NL			6	7	7	6,8	0012345678910	0123456789
50	20137132	Bùi Ngọc Anh Tuấn	DH20NL			6	5	6	5,8	0012345678910	0123456789
51	20137133	Triệu Văn	DH20NL							0012345678910	0123456789
52	20137136	Nguyễn Quốc Việt	DH20NL							0012345678910	0123456789
53	20137137	Nguyễn Lê Vin	DH20NL			7	8	9	8,4	0012345678910	0123456789
54	20137061	Nguyễn Minh Vũ	DH20NL							0012345678910	0123456789
55	20137138	Trần Tấn Vy	DH20NL			7	5	5	5,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 51. Số sinh viên vắng 4.

Ngày 14 Tháng 7 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Quang Giảng

Hồ Văn Nghiê

TS. Nguyễn Đức Khuyển

Lê Quang Giảng

Ngày in : 06/06/2022



Mã nhận dạng 03550

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Tiết kiệm năng lượng(207438)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_01**

Tổ Thi

001_DH18NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Hào

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

HD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL			8.0	8.0	8.0	8.0	0012345678910	0123456789
2	18137006	Bùi Văn Cương	DH18NL			9.0	8.0	10	9.2	0012345678910	0123456789
3	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL			9.0	7.0	7.0	7.4	0012345678910	0123456789
4	18137013	Nguyễn Tiến Dũng	DH18NL			7.0	8.0	10	8.8	0012345678910	0123456789
5	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL			4.0	8.0	8.0	7.2	0012345678910	0123456789
6	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL			9.0	8.0	10	9.2	0012345678910	0123456789
7	18137017	Huỳnh Thanh Hiếu	DH18NL			8.0	8.0	10	9.0	0012345678910	0123456789
8	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL			9.0	8.0	10	9.2	0012345678910	0123456789
9	18137021	Hồ Xuân Hùng	DH18NL			7.0	8.0	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
10	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL			3.0	7.0	4.0	4.7	0012345678910	0123456789
11	18137026	Huỳnhnda Lộc	DH18NL			4.0	8.0	9.0	7.7	0012345678910	0123456789
12	18137028	Cao Tấn Nam	DH18NL			7.0	8.0	7.0	7.3	0012345678910	0123456789
13	18137029	Nguyễn Huỳnh Nam	DH18NL			7.0	8.0	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
14	18137031	Nguyễn Thành Phát	DH18NL			7.0	8.0	9.0	8.3	0012345678910	0123456789
15	18137032	Nguyễn Thành Phát	DH18NL			4.0	8.0	8.0	7.2	0012345678910	0123456789
16	18137034	Dương Văn Phong	DH18NL			7.0	8.0	8.0	7.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03550

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Tiết kiệm năng lượng(207438)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH18NL_01

Tổ Thi

001_DH18NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Hào

Ngày Thi 06/07/2022

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

HD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18137035	Võ Hồng Phú	DH18NL			7.0	8.0	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
18	18137036	Nguyễn Đình Anh	DH18NL			7.0	7.0	8.0	7.5	0012345678910	0123456789
19	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL			9.0	8.0	8.0	8.2	0012345678910	0123456789
20	18137039	Phạm Trương Quang	Tân			7.0	8.0	9.0	8.3	0012345678910	0123456789
21	18137040	Cao Hoàng Thiện	DH18NL			5.0	8.0	8.0	7.4	0012345678910	0123456789
22	18137041	Trần Văn Thọ	DH18NL			7.0	8.0	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
23	18137043	Nguyễn Văn Trí	DH18NL			9.0	8.0	10	9.2	0012345678910	0123456789
24	18137044	Cao Khánh Trúc	DH18NL			7.0	8.0	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
25	18137046	Phan Khánh Trung	DH18NL			7.0	8.0	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
26	18137047	Hồ Nguyễn Phi	Trưởng			7.0	8.0	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
27	18137050	Nguyễn Thị Yến	DH18NL			9.0	8.0	8.0	8.2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 27. Số sinh viên vắng 0...

Ngày 7 Tháng 7 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 06/06/2022

N.T. Hào

Phan Trọng Nghĩa

N.T. Hào



Mã nhận dạng 03562

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207565)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20TD_01

Tổ Thi 001_DH20TD_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 05/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153001	Bùi Vũ Khánh An	DH18CD				10	8	8,4	001234567●910	0123●56789
2	20138071	Võ Tuấn Anh	DH20TD				10	6	6,8	0012345●78910	01234567●9
3	20138003	Đinh Hoàng Thiên Ân	DH20TD				10	3,5	4,8	00123●5678910	01234567●9
4	20138072	Võ Hoàng Gia Bảo	DH20TD				10	6	6,8	0012345●78910	01234567●9
5	20138073	Nguyễn Văn Bình	DH20TD				10	3	4,4	00123●5678910	0123●56789
6	20138074	Đặng Minh Chính	DH20TD				10	4,5	5,6	001234●678910	012345●789
7	20138075	Nguyễn Công Danh	DH20TD				10	5	6,0	0012345●78910	●123456789
8	20138080	Nguyễn Thị Mỹ Dung	DH20TD				10	8,5	8,8	001234567●910	01234567●9
9	20138081	Nguyễn Thái Duy	DH20TD				10	9,5	5,6	001234●678910	012345●789
10	20138076	Nguyễn Tấn Đạt	DH20TD				10	2	3,6	0012●45678910	012345●789
11	20138077	Nguyễn Tiến Đạt	DH20TD				10	4,5	4,0	00123●5678910	●123456789
12	20138078	Phan Châu Thành Đạt	DH20TD				10	3	4,4	00123●5678910	0123●56789
13	20138079	Trịnh Minh Đạt	DH20TD				10	6,5	7,2	00123456●8910	01●3456789
14	20138083	Thái Gia Hạnh	DH20TD				10	8	8,4	001234567●910	0123●56789
15	20152007	Võ Quang Hào	DH20TD				10	5,5	6,4	0012345●78910	0123●56789
16	20138084	Vũ Quang Hậu	DH20TD				10	2	3,4	0012●45678910	0123●56789



Mã nhận dạng 03562

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Anh văn kỹ thuật(207565)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH20TD_01**

Tổ Thi **001_DH20TD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Đức Khuyến**

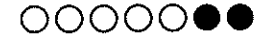
Ngày Thi **05/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD203**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20138085	Nguyễn Thanh Hiệp	DH20TD				10	3	4,4	00123●5678910	0123●56789
18	20138017	Trần Ngọc Hoài	DH20TD				10	3	4,4	00123●5678910	0123●56789
19	20138089	Trần Gia Huy	DH20TD				10	5	6,0	0012345●78910	●123456789
20	20138090	Võ Tấn Huy	DH20TD				10	6	6,8	0012345●78910	01234567●9
21	20138087	Nguyễn Văn Tuấn	DH20TD				10	7	7,2	00123456●8910	01●3456789
22	20138088	Phạm Duy Hưng	DH20TD				10	8	8,4	001234567●910	0123●56789
23	20138900	Nguyễn Kim Quỳnh	DH20TD				10	7,5	8,0	001234567●910	●123456789
24	20138091	Nguyễn Đức Khải	DH20TD				10	4	4,8	00123●5678910	01234567●9
25	20138092	Trần Bá Khang	DH20TD				10	1,5	3,2	0012●45678910	01●3456789
26	20138093	Phan Quốc Khánh	DH20TD				10	4	5,2	001234●678910	01●3456789
27	20138095	Nguyễn Anh Hoàng	DH20TD				10	4	5,2	001234●678910	01●3456789
28	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD				10	5,5	6,4	0012345●78910	0123●56789
29	20138096	Ngô Tuấn Kiệt	DH20TD				10	3	4,4	00123●5678910	0123●56789
30	20138097	Võ Anh Kiệt	DH20TD				10	5	6,0	0012345●78910	●123456789
31	20138098	Ngô Trần Thiên Kim	DH20TD				10	6	6,8	0012345●78910	01234567●9
32	20138100	Nguyễn An Lạc	DH20TD				7	5,5	5,8	001234●678910	01234567●9



Mã nhận dạng 03562

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207565)

Nhóm Thi DH20TD_01

Tổ Thi 001_DH20TD_01

Ngày Thi 05/07/2022

Giờ Thi 07:30

Số Tín Ch 3

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Phòng Thi HD203

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20138101	Trần Quốc Lâm	DH20TD				10	3	414	00123●5678910	0123●56789
34	18138050	Hứa Phước Lợi	DH18TD				10	5	60	0012345●78910	●123456789
35	20138063	Trần Đức Lương	DH20TD				10	25	40	00123●5678910	●123456789

Số sinh viên dự thi 35 Số sinh viên vắng 0

Ngày 11 Tháng 7 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Thanh Thiên

Nguyễn Nhật Long

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 03563

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207565)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20TD_01

Tổ Thi 002_DH20TD_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 05/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20138104	Bùi Phương Nam	DH20TD	Nam			6	4	4,4	00123●5678910	0123●56789
2	17138033	Lê Nguyễn Hoài Nam	DH17TD		-				✓	●012345678910	0123456789
3	20138030	Phạm Vĩnh Nghi	DH20TD	Vinh			10	6	6,8	0012345●78910	01234567●9
4	20138107	Tạ Thanh Nhã	DH20TD	Nha			10	3,5	4,8	00123●5678910	01234567●9
5	20138106	Trương Hoàng Nhã	DH20TD	Nha			10	3	4,4	00123●5678910	0123●56789
6	19154110	Huỳnh Đức Nhuận	DH19OT		-				✓	●012345678910	0123456789
7	20138108	Trần Nguyễn Trường Phi	DH20TD	Phi			10	6,5	7,2	00123456●8910	01●3456789
8	20138035	Lê Văn Phong	DH20TD	Phong			10	6	6,8	0012345●78910	01234567●9
9	20138109	Phan Duy Phúc	DH20TD	Phu			8	6	6,4	0012345●78910	0123●56789
10	20138111	Đoàn Thiên Phước	DH20TD	Phu			9	6	6,6	0012345●78910	012345●789
11	20138110	Đỗ Thiện Phước	DH20TD	Phu			10	4	5,2	001234●678910	01●3456789
12	20138112	Nguyễn Ngô Gia Phước	DH20TD	Phu			9	3,5	4,6	00123●5678910	012345●789
13	20138113	Phạm Đỗ Anh Phương	DH20TD	Phu			9	3,5	4,6	00123●5678910	012345●789
14	20138114	Đoàn Đình Quân	DH20TD	Qua			10	3,5	4,8	00123●5678910	01234567●9
15	20138115	Lê Hữu Đông Quân	DH20TD	Qua			10	3,5	4,8	00123●5678910	01234567●9
16	20138116	Phạm Đức Quân	DH20TD	Qua			10	3,5	4,8	00123●5678910	01234567●9



Mã nhận dạng 03563

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207565)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH20TD_01

Tổ Thi 002_DH20TD_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 05/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20138117	Trần Ngọc Quế	DH20TD				10	6,5	7,2	00123456●8910	01●3456789
18	20138118	Vòng Phi Quyền	DH20TD				10	5,5	6,4	0012345●78910	0123●56789
19	20138122	Nguyễn Quốc Tài	DH20TD				9	5	5,8	001234●678910	01234567●9
20	20138124	Võ Lê Tứ Tài	DH20TD				8	2	3,2	0012●45678910	01●3456789
21	20138127	Lê Văn Thanh	DH20TD		-				✓	●012345678910	0123456789
22	20138128	Trần Hoài Thanh	DH20TD				10	5	6,0	0012345●78910	●123456789
23	20138129	Phạm Đức Thao	DH20TD				10	5	6,0	0012345●78910	●123456789
24	20138126	Lê Quang Thắng	DH20TD				10	6	6,8	0012345●78910	01234567●9
25	20138131	Huỳnh Minh Thuận	DH20TD				10	7,5	8,0	001234567●910	●123456789
26	20138132	Châu Ngọc Tiên	DH20TD				10	4,5	5,6	001234●678910	012345●789
27	20138133	Trần Đức Toàn	DH20TD				10	5	6,0	0012345●78910	●123456789
28	20138134	Vũ Minh Toàn	DH20TD				6	3	3,6	0012●45678910	012345●789
29	20138135	Đinh Gia Triệu	DH20TD				9	3,5	4,6	00123●5678910	012345●789
30	20138136	Nguyễn Thị Kiều Trinh	DH20TD				10	7,5	8,0	001234567●910	●123456789
31	20138137	Huỳnh Lê Bảo Trọng	DH20TD				10	6	6,8	0012345●78910	01234567●9
32	20138049	Trần Ngọc Trọng	DH20TD				10	4,5	5,6	001234●678910	012345●789



Mã nhận dạng 03563

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207565)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH20TD_01

Tổ Thi 002_DH20TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 05/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20138138	Hoàng Văn Trung	DH20TD				10	5	6,0	0012345●78910	●123456789
34	20138139	Nguyễn Công Truyền	DH20TD				10	3	4,4	00123●5678910	0123●56789
35	20138140	Nguyễn Xuân Tú	DH20TD				10	4,5	5,6	001234●678910	012345●789
36	20138141	Phạm Anh Tuấn	DH20TD				10	3	4,4	00123●5678910	0123●56789
37	20138142	Phạm Thanh Tuấn	DH20TD				10	3,5	4,8	00123●5678910	01234567●9
38	20138143	Cao Huỳnh Thanh Tùng	DH20TD				10	7	7,6	00123456●8910	012345●789
39	20138144	Nguyễn Đăng Văn	DH20TD				10	8,5	8,8	001234567●910	01234567●9
40	20138146	Bùi Quốc Việt	DH20TD				10	5,5	6,4	0012345●78910	0123●56789
41	19132020	Đoàn Thế Vinh	DH19TD		-				✓	●012345678910	0123456789
42	20138147	Lê Hà Bảo Vinh	DH20TD				10	3	4,4	00123●5678910	0123●56789
43	20138148	Thái Doãn Vinh	DH20TD				10	5	6,0	0012345●78910	●123456789
44	20138149	Trần Quang Vinh	DH20TD				9	4,5	5,4	001234●678910	0123●56789
45	20138060	Trần Thanh Vững	DH20TD				8	3,5	4,4	00123●5678910	0123●56789
46	20138152	Nguyễn Thị Tường Vy	DH20TD				10	9	9,2	0012345678●10	01●3456789



Mã nhận dạng 03563

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207565)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH20TD_01

Tổ Thi 002_DH20TD_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 05/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 42 Số sinh viên vắng 4

Ngày 11 Tháng 7 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 03564

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CKC_01**

Tổ Thi

001_DH18CKC_01

Tên CBGD

Phan Minh Hiếu

Ngày Thi **08/07/2022**

Giờ Thi

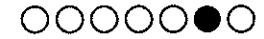
09:45

Phòng Thi

CT101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 30 %	Điểm 50 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118192	Lê Tiến Đạt	DH18CKC			4,8	5,8	8,0	6,7	0012345678910	0123456789
2	18118195	Trần Nguyễn Trí Đức	DH18CKC			8,4	9,0	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
3	18118200	Nguyễn Thị Thu Hiền	DH18CKC			7,2	9,0	9,5	8,9	0012345678910	0123456789
4	18118202	Trần Văn Hoài	DH18CKC			8,0	8,8	7,0	7,7	0012345678910	0123456789
5	18118204	Phạm Đăng Huy	DH18CKC			7,6	4,5	5,0	5,4	0012345678910	0123456789
6	18118207	Trịnh Ngọc Lâm	DH18CKC			8,8	9,0	8,0	8,5	0012345678910	0123456789
7	18118208	Nguyễn Bá Long	DH18CKC			7,2	9,0	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
8	18118209	Phạm Bùi Hải Long	DH18CKC			8,0	9,0	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
9	18118210	Phạm Trung Long	DH18CKC			7,6	9,0	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
10	18118212	Nguyễn Xuân Nguyên	DH18CKC			8,0	9,0	5,0	6,8	0012345678910	0123456789
11	18118108	Nguyễn Huy Phúc	DH18CKC			8,0	3,8	8,0	6,7	0012345678910	0123456789
12	18118214	Nguyễn Hoài Sang	DH18CKC			8,4	10	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
13	18118215	Hoàng Thái Sơn	DH18CKC			7,6	8,8	9,0	8,7	0012345678910	0123456789
14	18118217	Nguyễn Trung Tín	DH18CKC			9,2	9,0	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
15	18118219	Nguyễn Đăng Quỳnh Trâm	DH18CKC			7,2	9,0	3,0	5,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03564

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CKC_01

Tổ Thi

001_DH18CKC_01

Tên CBGD

Phan Minh Hiếu

Ngày Thi 08/07/2022

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

CT101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 15. Số sinh viên vắng 0.

Ngày 18 Tháng 07 Năm 2022

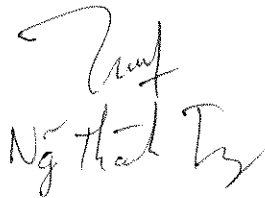
Cán bộ coi thi 1

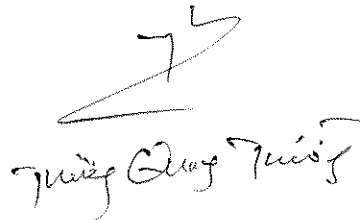
Cán bộ coi thi 2

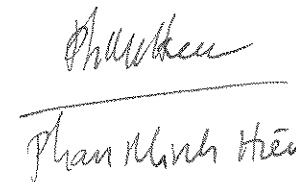
Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Nguyễn Thành Trí


Nguyễn Quang Tuấn


Phan Minh Hiếu



Mã nhận dạng 10480

Trang 1/1

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Tuần : 85

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật CAD,CAM,CNC (207603) - 02

03.001 - 8/8/22 - Tiết 4 - TV303

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118104	Hồ Văn Kỳ Thiên	DH17CK				10	7,0	7,9	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Nam Cường

Lưu Thanh Thiên

Phòng Quang Tuấn

Phan Minh Hiếu



Mã nhận dạng 03565

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19TD_03**

Tổ Thi **001_DH19TD_03**

Tên CBGD **Phan Minh Hiếu**

Ngày Thi **08/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV303**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 30 %	Điểm 50 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19138001	Võ Hoà An	DH19TD			6,8	9,6	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
2	18153002	Trương Quốc Anh	DH18CD			8,8	5,4	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
3	18138002	Vũ Hoài Ân	DH18TD			8,4	9,0	7,0	7,9	0012345678910	0123456789
4	19138003	Nguyễn Thanh Ban	DH19TD			7,2	3,8	3,0	4,1	0012345678910	0123456789
5	19138005	Lê Thái Hoàng An	DH19TD			5,6	8,8	9,0	8,3	0012345678910	0123456789
6	19138006	Lê Mạnh Cường	DH19TD			6,8	9,5	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
7	17138011	Nguyễn Đình Quốc Dũng	DH17TD			6,4	4,0	5,5	5,2	0012345678910	0123456789
8	19138015	Lê Đình Duy	DH19TD			6,8	9,0	9,0	8,6	0012345678910	0123456789
9	19138016	Nguyễn Thị Thuý Duyên	DH19TD			7,6	8,3	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
10	19138009	Hà Lê Quang Đạt	DH19TD			7,2	5,6	4,0	5,1	0012345678910	0123456789
11	19138012	Huỳnh Minh Đoàn	DH19TD			5,6	8,8	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
12	15118019	Nguyễn Tấn Đồng	DH15CK							0012345678910	0123456789
13	19138013	Võ Anh Đức	DH19TD			8,4	10	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
14	19138017	Trần Chí Hải	DH19TD							0012345678910	0123456789
15	19138018	Lê Minh Hậu	DH19TD			7,6	6,6	9,5	8,3	0012345678910	0123456789
16	19138019	Phạm Thị Hiền	DH19TD			6,0	9,8	10	9,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03565

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19TD_03**

Tổ Thi **001_DH19TD_03**

Tên CBGD **Phan Minh Hiếu**

Ngày Thi **08/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV303**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm 50%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19138020	Đinh Văn Hiền	DH19TD			6,4	8,5	5,0	6,3	0012345678910	0123456789
18	18153022	Nguyễn Văn Minh	DH18CD			9,2	3,0	8,0	6,7	0012345678910	0123456789
19	19138022	Nguyễn Minh	DH19TD			7,6	5,0	9,0	7,5	0012345678910	0123456789
20	19138023	Nguyễn Minh	DH19TD			8,8	9,8	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
21	19138024	Võ Ngọc	DH19TD			6,4	2,8	8,5	6,4	0012345678910	0123456789
22	19138025	Hoàng Phi	DH19TD			8,8	10	9,0	9,3	0012345678910	0123456789
23	19138027	Bùi Huỳnh Song	DH19TD			7,6	9,8	2,0	5,5	0012345678910	0123456789
24	19138028	Nguyễn Văn	DH19TD			9,2	8,8	6,0	7,5	0012345678910	0123456789
25	18138036	Phan Trần Hoàng	DH18TD			6,0	5,0	7,5	6,5	0012345678910	0123456789
26	19138026	Nguyễn Việt	DH19TD			7,2	9,0	6,0	7,1	0012345678910	0123456789
27	19138032	Nguyễn Đình	DH19TD							0012345678910	0123456789
28	19138034	Nguyễn Lê Hữu	DH19TD			7,2	8,5	5,0	6,5	0012345678910	0123456789
29	19138036	Lê Duy	DH19TD							0012345678910	0123456789
30	19138038	Bùi Đăng	DH19TD			7,2	9,0	4,0	6,1	0012345678910	0123456789
31	19138039	Bùi Tuấn	DH19TD							0012345678910	0123456789
32	19138040	Nguyễn Ngọc	DH19TD							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03565

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19TD_03**

Tổ Thi **001_DH19TD_03**

Tên CBGD **Phan Minh Hiếu**

Ngày Thi **08/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV303**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm 50%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19138041	Nguyễn Trung Kiên	DH19TD	Kiên		3,6	6,6	2,0	3,7	0012345678910	0123456789
34	19138042	Nguyễn Cao Kỳ	DH19TD	Kỳ		6,4	7,0	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
35	19138044	Đặng Thành Long	DH19TD	Long		9,2	5,8	8,5	7,8	0012345678910	0123456789
36	19138045	Bùi Văn Hữu Luân	DH19TD							0012345678910	0123456789
37	19138051	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19TD	Nghĩa		8,0	8,0	2,0	5,0	0012345678910	0123456789
38	19138055	Trần Đình Nhơn	DH19TD	Nhơn		6,0	9,0	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
39	19138057	Trần Minh Nhật	DH19TD	Nhật		6,4	6,0	7,0	6,6	0012345678910	0123456789
40	19138059	Nguyễn Thành Phẩm	DH19TD	Phẩm		7,6	7,0	9,0	8,1	0012345678910	0123456789
41	19138060	Nguyễn Bảo Phi	DH19TD	Phi		5,6	9,5	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
42	19138061	Nguyễn Châu Phi	DH19TD	Phi						0012345678910	0123456789
43	19138062	Nguyễn Quốc Phú	DH19TD	Phú		4,4	8,4	3,0	4,9	0012345678910	0123456789
44	19138064	Vũ Đức Phương	DH19TD	Phương		8,4	9,0	4,0	6,4	0012345678910	0123456789
45	19138065	Lê Đăng Quang	DH19TD	Quang		8,0	9,0	6,5	7,6	0012345678910	0123456789
46	19138068	Lê Bá Nam Sơn	DH19TD	Sơn		7,6	10	5,0	7,0	0012345678910	0123456789
47	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD	Tân		8,4	6,0	8,0	7,5	0012345678910	0123456789
48	19138071	Nguyễn Bá Thái	DH19TD	Thái		4,8	9,4	7,0	7,3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 03565

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19TD_03**

Tổ Thi

001_DH19TD_03

Tên CBGD

Phan Minh Hiếu

Ngày Thi **08/07/2022**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm 50%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19138073	Đỗ Quang Thành	DH19TD	Thành		6,0	7,8	8,5	7,8	0012345678910	0123456789
50	19138075	Trần Công Thịnh	DH19TD	Thịnh		8,4	9,0	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
51	19138078	Nguyễn Văn Tiến	DH19TD							0012345678910	0123456789
52	19138079	Cao Quốc Tinh	DH19TD	Tinh		8,0	9,8	7,5	8,3	0012345678910	0123456789
53	19138082	Quách Xuân Trà	DH19TD	Trà		6,0	8,6	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
54	19138083	Nguyễn Thế Trân	DH19TD	Trân		2,8	9,8	4,0	5,5	0012345678910	0123456789
55	19138084	Trần Anh Trí	DH19TD	Trần		5,6	3,8	2,0	3,3	0012345678910	0123456789
56	19138087	Nguyễn Trọng Trung	DH19TD	Trung		6,0	8,3	5,0	6,2	0012345678910	0123456789
57	19138088	Nguyễn Nhật Trường	DH19TD	Trường		6,8	6,5	6,0	6,3	0012345678910	0123456789
58	19138089	Đặng Minh Tuấn	DH19TD	Tuấn		5,2	9,6	9,5	8,7	0012345678910	0123456789
59	19138091	Trương Thế Vinh	DH19TD	Vinh		4,0	9,8	8,0	7,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 18 Tháng 07 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in: 06/06/2022

Nguyễn Nam Cường

Trương Đình Tuấn

Phan Minh Hiếu